

Trao đổi nghiên cứu khoa học

TIẾT MỤC “GIÃ” TRỐNG ĐỒNG KHÔNG CÓ TRONG SỬ SÁCH

DƯƠNG ĐÌNH MINH SƠN

“Trống đồng” (*Hùng Linh*)¹ loại cổ vật tâm linh của Vương quyền, mọi hiện tượng diễn ra đều được sử sách ghi chép lại, song không thấy việc: một tập người đứng “giã” trống đồng thành một tiết mục biểu diễn. Nhưng lâu nay chúng ta coi trống đồng là một nhạc khí và bày cho người Mường đứng “giã” trống đồng, rồi đưa vào làm tiết mục “giã” trống đồng ở Lễ hội Đền Hùng năm 1979. Đó là bởi, có một thời, chúng ta bỏ cụm từ *Văn hóa tâm linh*, chỉ nói *Hiện thực*, cho nên hiểu đơn giản rằng: trống là đánh, kèn là thổi mà, không suy xét chữ *trống* ấy là do Mã Viện ngụy tạo ra áp đặt cho loại cổ vật tâm linh của dân tộc ta. Nhìn trên hoa văn trống đồng Ngọc Lũ có cảnh bốn người, một người đứng, ba người ngồi 2 tay cầm gậy, chân đạp vào đầu gậy, không rõ động thái gì (ảnh 1), họ cho đó là giã trống. Nhưng tìm ở người Kinh không có tục giã trống ấy, họ lên tỉnh Hoà Bình bày cách cho nghệ nhân người Mường giã trống đồng, rồi đưa tiết mục ấy vào lễ hội Đền Hùng (ảnh 2).

¹ Xem: Dương Đình Minh Sơn (2008): *Văn hoá Nô Nương*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội đề nghị gọi là *Hùng Linh* thay cho tên trống đồng, theo tác giả, do Mã Viện ngụy tạo ra.

Ảnh 1



Ảnh 2



Ảnh báo xuân 2007 của tỉnh Phú Thọ

So sánh bức ảnh 1 và 2, nó trái ngược nhau hoàn toàn. Từ năm 2000 trở đi, đã có những bài báo phê phán vấn đề này và đặt vấn đề cần xem xét nghiêm túc dưới góc độ khoa học và cần có một cách tiếp cận khác khi nghiên cứu về trống đồng. Đến năm 2005 Lễ hội Đền Hùng do Nhà nước tổ chức, NSND Phạm Thị Thành đạo diễn đã bỏ tiết mục già trống đồng, thay vào đó là rước *Hùng Linh* ra đặt tại vị trí trang trọng của Lễ đài. Nhưng năm 2006, Lễ hội Đền Hùng do tỉnh Phú Thọ tổ chức, thì Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam biểu diễn lại tiết mục già trống đồng. Người ta còn cho vẽ mặt trống đồng lên mặt trống da, ý nói trống đồng hay trống da đều là trống và đã là trống thì chỉ dùng để đánh, để gõ (chứ không phải để "giã").

Trong khi đó, gần 40 đầu sách trong thư tịch của Trung Quốc² ghi chép những hiện tượng có liên quan đến trống đồng, nhưng chỉ nói việc "đánh trống" chứ không có sách nào nói tới việc một tập người đứng "giã" trống đồng. Còn

² Nguyễn Duy Hình (1974): *Trống đồng trong sử sách*, Tạp chí *Khoa cổ học*, tr. 18-35.

ở Việt Nam thì các thư tịch tiêu biểu như: *Việt điện u linh*, *Đại Việt sử ký toàn thư*, *Lĩnh Nam chích quái*, *Đại Nam nhất thống chí*... cũng không nói việc một tập người dùng "giã" trống đồng.

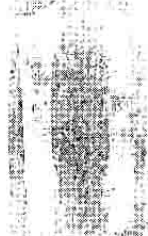
Thư tịch của ta ghi chép trân trọng loại vật linh này và gọi là "*Thần Đồng Cờ*", lập đền thờ bốn mùa hương khói. Đó là đền "*Thần Đồng Cờ*" trên núi Đan Nê - tục gọi là núi Khả Lao (thuộc huyện An Định, tỉnh Thanh Hoá). Tương truyền đền "*Thần Đồng Cờ*" ở đây được lập từ thời Hùng Vương³, còn đền thờ Ngải ở đường Thụy Khuê, Hà Nội là thờ vọng, mới có từ thời nhà Lý⁴.

Mỗi dân tộc trong thời tiền sử thường có một vật linh tượng trưng cho nền văn hoá của dân tộc và quyền uy của tù trưởng. Có tộc, vật linh là chiếc gậy, có tộc vật linh là chiếc mũ (chiếc gậy, cái nón của Chữ Đồng Tử - Tiên Dung, Giao Chi). Đến thời cổ đại, vật linh đã đạt tầm cao về hình thức thẩm mỹ và hàm nghĩa nội dung: kinh Rig-Vê đa và Kinh Phật của người Ấn Độ (trước đó là thần Siva), hoặc kinh Thánh và cây Thánh giá của người Thiên chúa giáo, còn vật linh của người Văn Lang - Giao Chi là vật *hèm* (trống đồng) Ngọc Lũ (hình 2), thứ đến là Ân đồng (hình 3) và "*Nha chương*" (hình 4) - (tục của người Việt vật linh gọi là *hèm* - *hèm* là từ khoá: kiêng dè, cấm kỵ, húy, tiếng quốc tế gọi là tapu, tiếng Thái ở Tây bắc gọi là cấm dam: linh thiêng, huyền bí, bí hiểm- điều không được nói ra. Nói ra là động đến thánh thần).

Hình 3: Vật *hèm* Ngọc Lũ.

Hình 4. Ân đồng

Hình 5. Nha chương



Nguồn: Hà Văn Tấn (1998): *Theo dấu các văn hoá cổ*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

1.1 Sự ra đời của tên gọi trống đồng

"*Trống đồng*" là dịch từ chữ "*đồng cổ*" của Trung Quốc, do tướng Mã Viện nguy tạo ra trong lần y đưa quân sang Giao Chi đàn áp cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng năm 40 - 43 sau Công nguyên⁵. Trong cuộc đàn áp đẫm máu đó, Mã Viện đã bắt trên 300 cừu soái, Lạc tướng của cuộc khởi nghĩa đây sang Lĩnh Lăng và tịch thu hết vật "*thiêng*" (trống đồng) của họ - việc cướp vật "*thiêng*" của một dân tộc là đoạt quyền tù trưởng, còn cống nạp vật "*thiêng*" là tỏ lòng

³ *Đại Nam nhất thống chí* (2006): Nxb. Thuận Hoá, tr. 297.

⁴ Lý Tế Xuyên (1979): *Việt điện u linh* (bản dịch), Nxb. Hà Nội, tr. 83.

⁵ *Đại việt sử ký toàn thư* (2003), kỷ thuộc Đông Hán, Nxb. Văn hoá - Thông tin, tập 1, tr. 216.

thuần phục (quan niệm xưa). Điều đó chứng tỏ vật "thiên" (trống đồng) gắn liền với cừ soái. Lạc tướng là lực lượng lãnh đạo Việt tộc chống Hán. Trống đồng biểu tượng cho linh hồn và quyền uy của đất nước Văn Lang - Âu Lạc là vật linh hiệu triệu dân tộc đứng lên chống ngoại xâm.

Ở thời đó, trống Ngọc Lũ (loại A1) là ấn tín của nhà vua, còn các Lạc hầu Lạc tướng và cừ soái, tùy theo phẩm trật chức tước cũng được vua Hùng ban cho một chiếc linh đồng và coi đó là ấn tín của vua ban để cai quản thần dân trong phạm vi bộ lạc của mình.

Mã Viện nhận thấy giá trị tâm linh của loại cổ vật này, cho nên y thực hiện một loạt các biện pháp nhằm làm mất tính tâm linh của loại cổ vật ấy. Trước hết y ra lệnh cấm người Lạc Việt - Giao Chi sản xuất, tàng trữ vật "hèm" (trống đồng) và tàn phá hết lò đúc và khuôn đúc loại cổ vật này. Thứ đến, y gọi loại vật linh ấy là "đồng cỏ" - một nhạc khí. Thứ ba, y nấu chảy vật linh làm trụ đồng chôn trên núi Cô Lâu, Châu Khâm để yểm, với câu thề độc: "Đồng trụ chiết, Giao Chi diệt". Người Việt ta đi qua dưới cột ấy, thường lấy đá chát vào thành gò đồng, vì sợ cột ấy gãy⁶. Khi về nước, Mã Viện dùng số trống đồng cướp được ở Giao Chi đúc ngựa đặt trước cửa điện Tuyên Đức với thâm ý: loại vật linh của Lạc Việt chỉ như con ngựa cho để chế Hán cười.

Sự kiện đó được ghi trong sách *Hậu Hán thư* của Phạm Việp (424-425) quyển 54, mục *Mã Viện truyện* như sau: "Viện hiệu kỵ mã, thiện biệt danh mã ở Giao Chi đúc Lạc Việt đồng cỏ, nãi trừ vì mã thức... mã cao tam xích ngũ thốn vì tứ xích tứ thốn, hữu chiếu trí Tuyên Đức điện hạ dĩ vì danh mã thức yên"⁷ - nghĩa là: Mã Viện thích cưỡi ngựa, giỏi phân biệt ngựa tốt xấu. Ông ta lấy được trống đồng Lạc Việt ở Giao Chi bèn đúc thành ngựa mẫu... ngựa cao 3 thước 5 tấc (khoảng hơn 1m), vòng thân ngựa 4 thước 4 tấc (khoảng 1,5m), vua xuống chiếu đặt ngựa mẫu trước cửa điện Tuyên Đức để làm ngựa mẫu (hắn vùng đó) sẽ yên.

Tiếp đến sách *Quảng Châu ký* của Bùi Thị xuất hiện vào khoảng năm 420-487 ghi lại hiện tượng người Lý, Lão sử dụng trống đồng ở thế kỉ thứ III sau Công nguyên, sách đã thất truyền, chỉ còn lại những đoạn dẫn để chú giải cho *Hậu Hán thư* và được bảo tồn trong văn bản *Hậu Hán thư*. Đoạn văn đó như sau: "Lý, Lão trừ đồng vì cổ duy cao đại vì quý diện khoáng trọng dư sơ thành huyền ư đình khắc thần trí tửu chiếu chí đồng loại lai giả doanh môn hào phú tử nữ dĩ kim ngân vì đại thoa chấp dĩ khẩu cổ khẩu cánh lưu dĩ chủ nhân dã" - Nghĩa là: Người Lý người Lão đúc đồng làm trống. Trống lấy cao lớn làm quý, mặt trống rộng hơn 1 trượng (?). Lúc mới đúc xong, treo trống ở sân, buổi sáng bày rượu mời đồng loại đến. Người đến đầy cửa. Con trai con gái nhà hào phú

⁶ *Dại Việt sử ký toàn thư*, Sdd, tr. 378.

⁷ *Dại Việt sử ký toàn thư*, Sdd, tr. 378.

lấy vàng bạc làm "thoa" lớn, cầm thoa gõ trống, gõ xong để thoa lại cho nhà chủ (thoa là hoa tai). Người Lý người Lão chỉ cư dân phi Hán ở Quảng Châu, tộc danh này xuất hiện trong thư tịch thời Tam Quốc (thế kỷ III) mà nay có người coi là tổ tiên người Choang⁸.

Như vậy, chỉ cần dẫn hai cứ liệu xuất hiện sớm nhất trống thư tịch của Trung Quốc, đã cho ta thấy: Tên gọi "*đồng cổ*" do tướng Mã Viện nhà Hán ngụy tạo ra từ đầu Công nguyên (40- 43) - (*Hậu Hán thư*), hoặc cứ liệu thứ hai là người Lý người Lão đúc trống đồng xong, thì treo trống trước sân...và dùng thoa "gõ" vào trống đồng, chứ không dùng dùi để "*đánh*" trống (*Quảng Châu ký*).

Có thể nói chi tiết quan trọng ở đây là trống đồng mới đúc xong mà "*không đánh thư*", chỉ dùng thoa "gõ" vào trống. Đó là hiện tượng không bình thường. Ngày nay ở nhà chùa khi đúc chuông xong người ta làm lễ "*thư*" chuông trang nghiêm cẩn trọng. Chuông được phủ vải đỏ, treo lên giá trước sân. Thầy chùa tụng kinh hương khói kính cáo với đức Phật và thổ thần, phải dâng đủ lễ, cầu khẩn thấu đạt thiên địa thổ thần thì mới được "thư" chuông. Nhưng ở người Lý, Lão khi đúc trống đồng xong, không làm lễ "thư trống". Chúng ta việc đúc trống đồng của người Lý - Lão không phải nhằm lấy tiếng vang của loại "cổ" này, mà hẳn là dùng làm vật linh biểu tượng quyền uy của tù trưởng và dân tộc. Một tín hiệu nữa cho ta thấy việc đúc trống đồng không phải của người bình dân, mà của bậc vương quyền. Đó là tinh thần của loại vật "*thiên*" (*đồng cổ*) do tổ tiên của người Văn Lang - Giao Chỉ tạo ra và truyền kỹ thuật đúc vật "*thiên*" (*đồng cổ*) sang vùng Lưỡng Quảng

Từ việc dùng "*thoa gõ vào trống*" trong sách *Quảng Châu ký* của Bùi Thị xuất hiện vào đầu thế kỷ thứ V sau Công nguyên, hoặc các thư tịch khác của Trung Quốc ở giai đoạn đầu này như sách *Tấn thư* cũng ra đời vào thế kỷ thứ VII ghi lại việc năm 378 người Di ở Quảng Châu phá tiền đúc trống đồng, hoặc sách *Trần thư* cũng là tác phẩm ra đời ở thế kỷ thứ VII, ghi lại việc khoảng năm 551: Âu Dương Ngỗi đánh Trần Văn Triệt ở Quảng Châu, lấy được nhiều chiến lợi phẩm dâng lên vua, trong đó có một chiếc trống đồng lớn chưa từng có. Nhưng những sách này đều chỉ mới nói việc đúc trống đồng và cầm thoa "gõ" vào trống, chứ chưa có sách nào nói việc dùng dùi "*đánh*" trống đồng. Chúng ta ở giai đoạn đầu này người Trung Quốc chưa coi vật *hèm* (trống đồng) của người Giao Chỉ là loại nhạc khí.

1.2. Thời điểm coi đồng cổ là "nhạc khí"

Căn cứ vào sử liệu cho thấy, từ thế kỷ thứ IX trở về trước, tuy người Trung Quốc gọi vật linh "*hèm*" của người Giao Chỉ là "*cổ*", nhưng chưa coi nó là nhạc

⁸ Phạm Việp, *Hậu Hán thư* – bản chữ Hán (ký hiệu H.T.V- 51 (10) mục truyện 8 (10)) Thư viện Viện Sử học Việt Nam, 38 Hàng Chuối.

⁹ Nguyễn Duy Hinh (1974): *Trống đồng trong sử sách*, Tạp chí *Khảo cổ học*, tr. 18-35.

khí. Phải đến sách *Cựu Đường thư* ra đời vào năm 937 - 946 mới xuất hiện việc "đánh trống đồng" và coi nó là một nhạc khí

Sách *Cựu Đường thư* đưa ra hai tư liệu: Một là mục *Âm nhạc chí* ghi: Tiết cô là trống đồng - đúc bằng đồng. Một mặt trống úp xuống, đánh lên mặt trên. Loại trống đồng của Nam Di, Phù Nam, Thiên Trúc đều như thế. Trước đó có sách địa phương với tiêu đề "*Lĩnh biểu lục địa*" của Lưu Tuân là quan lại tại Quảng Châu vào khoảng năm 889 - 903 ghi rằng: Nhạc của người Man Di có trống đồng, hình dáng như yêu cô (trống có thân eo lại), nhưng chỉ một đầu có mặt. Mặt liền với thân. Đúc toàn bằng đồng. Thân trống dày (nhiều) hình côn trùng: cá, hoa, cỏ. Toàn thân đều đặn dày hơn hai phân. Đúc rất giỏi. "Đánh trống" tiếng vang trong trẻo không kém tiếng mai rùa. Trong thời Trinh Nguyên (785- 804) Phiên Quốc (Myanmar) dâng nhạc, có ốc ngọc và trống đồng, mới biết nhà tù trường Nam Man đều có trống đồng.

Trong Hội thảo quốc tế "*Âm nhạc truyền thống trong bối cảnh toàn cầu hoá*" tại Hà Nội (ngày 8-9/8/2004) một đại biểu của Myanmar trong một Tham luận đã dẫn lại điều này¹⁰.

Như vậy, từ thế kỷ thứ X trở đi - tức là sau 900 năm - kể từ khi Mã Viện gọi loại vật linh ấy là "đồng cô" thì thư tịch của Trung Quốc mới chính thức gọi loại cô vật kia là "cô" - một nhạc khí và nói ngoa lên: "Đánh trống đồng nghe tiếng trong trẻo" (sách *Lĩnh biểu lục địa*). Nhưng thực chất đánh trống đồng nghe tiếng bịch bịch mà thôi, nên mới nói "*Tiếng trong trẻo như tiếng mai rùa*". Tiếng mai rùa cũng bịch bịch, chứ làm gì có âm thanh trong trẻo (?).

Tóm lại, chỉ cần dẫn mấy cứ liệu ban đầu trong thư tịch cổ của Trung Quốc đủ thấy: Việc tạo dựng một vật linh thờ cúng "hèm" trong nền văn hoá tâm linh của Lạc Việt - Giao Chỉ thành "cổ" - một nhạc khí là có từ khi Mã Viện ra (40-43) sau Công nguyên, nhưng phải 4 thế kỷ sau thì thư tịch Trung Quốc mới định danh chữ "cổ" bằng Hán tự trong sách *Hậu Hán thư* và dùng thoa để "gõ" vào "cổ", hiện tượng diễn ra vào thế kỷ thứ III sau Công nguyên, ở người Lý-Lão (sách *Quảng Châu ký*). Ngoài ra còn phải qua một số tác phẩm nữa như *Tán thư*, *Trần thư*, *Tuỳ thư* cho đến *Cựu Đường thư* (937- 946) mới chính thức gọi trống đồng là nhạc khí trong mục "*Âm nhạc chí*" của sách này. Bắt đầu từ thế kỷ thứ X trở đi thì thư tịch của họ đồng loạt, chính thức gọi loại vật linh ấy là "cổ" (trống) - một nhạc khí và đánh "trống đồng".

Việc nhận thức về tinh thần của vật "hèm" này, đã được người Việt bắt đầu thực hiện từ khi nước nhà giành lại quyền tự chủ. Đó là thư tịch của các triều đại phong kiến Việt Nam đều ghi chép trân trọng loại vật linh "hèm", gọi là

¹⁰ Nguyễn Duy Hinh, Sdd, tr 78.

"*Thần Đồng Cổ*" và lập miếu thờ, đích thân nhà vua đến cúng tế¹¹. Còn nếu là "*trống*" - loại nhạc khí thì không thể diễn ra hiện tượng trên. Ngoài ra trong dân gian, người làng Ngọc Lũ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam khi đào được cổ vật này (1893), nay gọi là "*trống*" Ngọc Lũ, họ đưa vào thờ trong đình làng, mãi về sau mới được đưa về trưng bày ở Trường Viễn Đông Bác Cổ, nay là Bảo tàng Lịch sử Việt Nam ở Hà Nội¹².

Việc trân trọng, tôn thờ loại vật "*hèm*" này được thể hiện ở chỗ: từ dân gian đến vương quyền và thư tịch bác học đều không nơi nào nói đến hiện tượng "đánh trống đồng".

Tuy nhiên, do ảnh hưởng việc đánh trống đồng ở vùng Mường Quảng truyền sang, cho nên một vài dân tộc thiểu số của nước ta cũng có hiện tượng đánh trống đồng. Chẳng hạn, sách *Tỉnh Mường Hoà Bình* của Pierre Grossin cho biết: Đầu thế kỷ XX một số nhà quan lang lớn ở người Mường còn thờ trống đồng và đánh trống đồng trong đám tang quan lang, nhưng chỉ các thầy mo mới được thực hiện¹³. Cũng từ đó mà trong Thông báo khoa học Viện Âm nhạc số 11/ 2004 - mục *Dự án bảo tồn âm nhạc và múa dân gian dân tộc Lô Lô - tỉnh Hà Giang*, các tác giả Nông Thị Ninh và Nguyễn Thuý Tiên vẫn coi trống đồng là một nhạc cụ của người Lô Lô.

Còn việc ra đời trống đồng của người Lô Lô có ba sự tích (các tác giả dẫn lại của Lê Trung Vũ (1975): *Dân ca Lô Lô*, Nxb. Văn Hoá dân tộc, tr. 65) rằng: "Trống đồng" do ông Mến Gia Lô thủy tổ của họ dùng đầu tiên, rồi truyền lại cho các tộc trưởng của những dòng họ, song chỉ được dùng trong đám ma tộc trưởng. Tiếng "trống đồng" vang lên nối liền tinh thần của cõi sống đến với cõi hồn¹⁴. Ở đây có nói: "*Tiếng trống đồng vang lên*", đó cũng là sự ngoa ngôn của người viết. Còn trong thực tế, dùng chày dài 1,5m đường kính 8cm đứng "*giã*" vào mặt vật "*thiêng*" (trống đồng) như tiết mục "*giã*" (trống đồng) ở Lễ hội Đền Hùng mà chẳng có tiếng, huống hồ người Lô Lô dùng dùi dài 20cm, đường kính 1,5cm để đánh trống đồng (miêu tả của các tác giả) thì làm gì có tiếng trống vang lên?

Tóm lại, khi gọi tên sai về bản chất của loại "vật linh" của người Lạc Việt-Giao Chi thì sẽ làm chệch hướng nghiên cứu về loại cổ vật ấy. Cho nên, đã gần 2000 năm (từ khi người phương Bắc biết trống đồng Giao Chi), nhất là từ cuối

¹¹ Tư liệu ghi chép tại một Hội thảo khoa học (tác giả có tham gia).

¹² Tư liệu của Viện Bảo tàng Việt Nam cung cấp.

¹³ Pierre Grossin (1994): *Tỉnh Mường Hoà Bình*. Nxb. Lao động - Sức Văn hoá - Thông tin tỉnh Hoà Bình, Hà Nội, tr. 91.

¹⁴ Louis Bezacier *Lịch sử nghiên cứu trống đồng ở Châu Âu* "Sách giáo khoa về Khảo cổ học ở Viễn Đông, dẫn theo Phạm Huy Thông Lời giới thiệu sách *Dong Son Drum in Viet Nam* Viện Khoa học xã hội (1999), tr. 274 và bản dịch (Phần 1: Đông Nam Á -Pari (1972), tr. 180 – 185) Tạp chí *Khảo cổ học* số 20.1974.

thế kỷ XIX đến nay (kể cả giới học giả của thế giới), những kết quả nghiên cứu về trống đồng Đông Sơn chưa làm vừa lòng giới khoa học ...

Nhà bác học Pháp L.Bezacier có những hiểu biết sâu rộng về lịch sử văn minh Việt Nam, đến cuối đời, năm 1972, khi hệ thống lại các công trình của mình, trong đó có sách giáo khoa về Khảo cổ học ở Viễn Đông, nhan đề *Việt Nam - Từ tiền sử đến cuối thời Trung Hoa chiếm đóng* (năm đó giới Khảo cổ học Việt Nam đã chính thức khẳng định nền văn minh Đông Sơn). Ông đã phải thừa nhận, Phương Tây sau gần một thế kỷ (thế kỷ XX) nghiên cứu, hoàn toàn không hiểu, không biết gì chắc chắn về nguồn gốc của trống đồng, cũng như về công dụng và ý nghĩa của nó¹⁵.

Vì thế, việc nghiên cứu loại vật "hèm" này – nói như Ngô Thị Nhậm là phải dùng "thần"¹⁶ để phát hiện cái "đúng" bản chất - trong một mở tài liệu thư tịch trong gần 2000 năm, mà trong đó với dụng ý thâm hiểm, nhằm triệt tiêu nền văn minh Đông Sơn của chúng ta.

Bài khảo cứu này của chúng tôi nhằm tìm lại cái bản sắc văn hoá Việt tộc, do tổ tiên của chúng ta đã dày công tạo dựng nên ở buổi đầu dựng nước. Song để thực hiện được những vấn đề đã đặt ra thì không thể một cá nhân làm được, mà phải nhờ sự góp sức của nhiều nhà khoa học.

¹⁵ Nông Thị Ninh, Nguyễn Thuý Tiên (2004): *Thông báo khoa học*, Viện âm nhạc số 11.

¹⁶ *Ngô Thị Nhậm Tuyển tập* (1976): Tập II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.